

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**



**NGUYỄN THANH HUYỀN**

**HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ  
CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH NGHỆ AN**

**Chuyên ngành: Tài chính-Ngân hàng**

**Mã số: 9.34.02.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2024**

**Công trình được hoàn thành  
tại Học viện Tài chính**

***Người hướng dẫn khoa học:*** 1. PGS. TS. Nguyễn Văn Dân  
2. TS. Bạch Thị Thanh Hà

***Phản biện 1:*** .....

***Phản biện 2:*** .....

***Phản biện 3:*** .....

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án  
cấp Học viện, họp tại .....**

*Vào hồi     giờ , ngày tháng năm*

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia  
và Thư viện Học viện Tài chính**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Ở hầu hết các nước trên thế giới, du lịch đang là ngành nghề kinh tế trọng điểm của đất nước và được chính phủ các nước quan tâm đầu tư. Trong thời kỳ đời sống con người càng phát triển mạnh mẽ hiện nay, ngành du lịch càng thể hiện được vai trò quan trọng đối với nền kinh tế đất nước. Du lịch là chìa khóa giúp thúc đẩy nền kinh tế phát triển một cách đa dạng, tác động mạnh mẽ đến GDP, NSNN, VĐT, công nghệ hiện đại, văn hoá đất nước... Du lịch giúp thúc đẩy hợp tác khu vực và quốc tế, phân công lao động thông qua các hoạt động kinh doanh du lịch. Du lịch còn là hình thức góp phần quảng bá hình ảnh đất nước với các quốc gia trên thế giới, tạo điều kiện giao lưu học hỏi kinh nghiệm, ứng dụng KHCN tiên tiến, có cơ hội mở rộng liên kết với các tuyến du lịch thế giới. Có thể nói vai trò của ngành du lịch với kinh tế là hết sức quan trọng, việc mở rộng đẩy mạnh PTDL là một xu hướng phát triển tất yếu của tất cả các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Chiến lược PTDL Việt Nam đến 2030 đã nêu rõ mục tiêu PTDL: *“PTDL thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác, góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại”*. Để du lịch đạt được mục tiêu trên, một trong những giải pháp vô cùng quan trọng được Việt Nam và các địa phương trong nước đưa ra là huy động các nguồn VĐT cho PTDL. Bên cạnh đó, các cơ chế chính sách cần được ban hành đầy đủ nhằm huy động tối đa các nguồn VĐT cho PTDL để du lịch thực sự khẳng định được vị thế là ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Nghệ An là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, có diện tích tự nhiên lớn nhất cả nước. Với đặc điểm địa lý tự nhiên đa dạng, có biên giới, miền núi, đồng bằng, sông, biển... có thể ví Nghệ An như một đất nước Việt Nam thu nhỏ. Nghệ An còn là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh với khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Liên. Đó là những lợi thế quan trọng của Nghệ An cho PTDL. Sự phát triển của ngành du lịch Nghệ An thời gian qua đã tạo ra nguồn ngân sách không nhỏ, thu hút VĐT, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho tỉnh Nghệ An. Du lịch Nghệ An còn tác động tích cực tới các ngành nghề kinh tế có liên quan, góp phần thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, tạo ra nhiều việc làm và có thu nhập thường xuyên cho người lao động. Hoạt động của ngành du lịch cũng làm thay đổi đáng kể diện mạo và cải thiện điều kiện dân sinh tại các vùng của tỉnh Nghệ An. Giai đoạn 2016-2022 ngành du lịch đóng góp 3,15% tổng sản phẩm trên địa bàn, đóng góp 1.160,85 tỷ đồng và chiếm gần 2% trong tổng thu NSNN toàn tỉnh.

Ngành du lịch Nghệ An đã đạt được những kết quả đáng khích lệ như trên là do chính quyền cấp tỉnh đã coi trọng công tác huy động VĐT cho PTDL. Tỉnh xem VĐT là một nguồn lực tài chính rất quan trọng để thúc đẩy ngành du lịch phát triển. VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022 chủ yếu được huy động từ nguồn vốn trong nước là nguồn vốn NSNN và nguồn vốn ngoài NSNN. Có thể nói, VĐT vào du lịch Nghệ An đã cung cấp nguồn lực cần thiết cho PTDL. VĐT này góp phần xây dựng CSHT du lịch, tăng chất lượng dịch vụ du lịch, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng

SPDL, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch, ứng dụng KH-CN, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về du lịch.... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, công tác khơi thông và huy động VĐT để PTDL Nghệ An thời gian qua còn nhiều khó khăn, bất cập. Kết quả huy động VĐT cho PTDL của tỉnh chưa được như kỳ vọng. Lượng VĐT huy động còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành du lịch địa phương. Bên cạnh đó, hình thức huy động VĐT cho PTDL chưa đa dạng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên, song có thể thấy một trong các nguyên nhân quan trọng là do các giải pháp huy động VĐT từ phía chính quyền cấp tỉnh còn thiếu đồng bộ và các cơ chế khuyến khích của tỉnh chưa đủ mạnh để thu hút các nguồn lực đầu tư vào PTDL của tỉnh. Trước thực tiễn đó, việc nghiên cứu để hoàn thiện huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An là yêu cầu cấp thiết cần đặt ra.

Với những lý do trên tác giả đã lựa chọn đề tài “*Huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch tỉnh Nghệ An*” làm đề tài nghiên cứu của mình.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án**

### **2.1. Các công trình nghiên cứu về phát triển du lịch**

### **2.2. Các công trình nghiên cứu về huy động VĐT cho phát triển du lịch**

### **2.3. Khái quát kết quả của các nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu**

Sau khi nghiên cứu các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài, NCS nhận thấy các nghiên cứu rất phong phú, đa dạng, mỗi công trình đã luận giải về PTDL dưới nhiều góc độ và mục tiêu khác nhau, nhưng thống nhất ở một số vấn đề:

- Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận về du lịch và PTDL như khái niệm, đặc điểm, vai trò của du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến PTDL, vai trò của Nhà nước đối với sự PTDL ở những khía cạnh khác nhau thông qua các giải pháp về huy động VĐT.

- Đưa ra được những giải pháp hỗ trợ PTDL đã được Chính phủ của các quốc gia và tỉnh thành phố trong cả nước thực hiện, đồng thời rút ra bài học kinh nghiệm, gợi ý cho việc xây dựng các giải pháp PTDL.

- Các công trình nghiên cứu đều phân tích về thực trạng PTDL của một số địa phương, khu vực trong cả nước. Nêu rõ những thuận lợi và khó khăn để thực thi các chính sách PTDL. Trên cơ sở đó, đưa ra giải pháp cụ thể để hạn chế những tồn tại nhằm thúc đẩy PTDL.

Những kết quả nghiên cứu nêu trên là căn cứ, kế thừa giúp gợi mở cho nghiên cứu sinh trong quá trình xây dựng khung lý thuyết, nghiên cứu thực tiễn và đề xuất giải pháp cho đề tài luận án. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy vẫn còn những vấn đề chưa hoàn thiện và chưa được nghiên cứu ở những công trình nghiên cứu trước đây, vẫn còn khoảng trống trong một số vấn đề về huy động VĐT cho PTDL như:

- *Về mặt lý luận:*

Các công trình nghiên cứu trước đây chủ yếu đưa ra hệ thống cơ sở lý luận về PTDL. Mặc dù đã có một số các đề tài nghiên cứu về huy động VĐT trong lĩnh vực du lịch nhưng tập trung vào một lĩnh vực cụ thể trong du lịch.

Đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu, đánh giá một cách trực tiếp, toàn diện về huy động VĐT cho PTDL được xem xét từ phạm vi của một địa phương.

- *Về mặt thực tiễn:*

Mặc dù trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã có một số nghiên cứu về lĩnh vực du lịch nhưng các công trình này có đối tượng và phạm vi nghiên cứu, cũng như cách thức tiếp

cận các giải pháp khác với giải pháp của đề tài mà NCS đã lựa chọn. Tính đến thời điểm thực hiện luận án chưa có một đề tài nghiên cứu nào về huy động VĐT cho PTDL tại tỉnh Nghệ An. Đây chính là khoảng trống mà luận án có thể tiếp tục nghiên cứu.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

#### **3.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Xây dựng các quan điểm, giải pháp và các kiến nghị về huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An có cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn gắn với điều kiện tự nhiên KTXH, tiềm năng và lợi thế, bối cảnh trong nước và quốc tế đến áp dụng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để thực hiện mục tiêu trên, nhiệm vụ cụ thể của luận án là:

- Hệ thống hóa, phân tích làm rõ và bổ sung lý luận về huy động VĐT cho PTDL.
- Tổng kết kinh nghiệm về huy động VĐT cho PTDL của một số địa phương ở Việt Nam, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho tỉnh Nghệ An.
- Tổng hợp, phân tích làm rõ thực trạng huy động VĐT cho PTDL tại tỉnh Nghệ An, đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.
- Xây dựng quan điểm, đề xuất các giải pháp và kiến nghị với các cơ quan có liên quan nhằm hoàn thiện huy động VĐT cho PTDL tại tỉnh Nghệ An thời gian tới.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về huy động VĐT cho PTDL tại địa bàn cấp tỉnh.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Phạm vi nội dung nghiên cứu:*

Nguồn VĐT cho PTDL rất đa dạng, bao gồm nguồn vốn trong nước và nguồn vốn nước ngoài. Tuy nhiên, thời gian qua, nguồn VĐT huy động được cho PTDL tỉnh Nghệ An chủ yếu tập trung ở nguồn vốn trong nước. Bên cạnh đó, việc huy động VĐT cho PTDL được thực hiện bởi nhiều chủ thể huy động khác nhau nhưng chủ thể huy động vốn có tác động mạnh mẽ nhất là CQĐP cấp tỉnh. Do vậy, luận án chỉ tập trung nghiên cứu các giải pháp huy động VĐT từ phía CQĐP cấp tỉnh đối với các nguồn VĐT trong nước để PTDL tỉnh Nghệ An. Đó là nguồn vốn NSNN (bao gồm NSTW, NSĐP, vay vốn ODA, vay từ phát hành trái phiếu CQĐP) và nguồn vốn ngoài NSNN từ DN, cá nhân.

- *Phạm vi không gian và thời gian nghiên cứu:*

Thực trạng huy động VĐT cho PTDL trên địa bàn tỉnh Nghệ An được nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2016-2022; các giải pháp huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An được xem xét, nghiên cứu, áp dụng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Kinh nghiệm của các địa phương khác ở Việt Nam, luận án nghiên cứu kinh nghiệm của tỉnh Lào Cai, Thanh Hóa, Quảng Bình, thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ năm 2016-2022.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu các vấn đề, hiện tượng trong trạng thái động, đảm bảo tính logic, tính toàn diện và tính thực tiễn. Trên cơ sở đó, luận án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực kinh tế như: Phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp quy nạp, diễn dịch, phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi.

## **6. Những đóng góp mới của Luận án**

*Về mặt lý luận:*

*Thứ nhất*, luận án đã bổ sung, làm rõ các vấn đề lý luận về phát triển du lịch và huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch trên các khía cạnh: khái niệm phát triển du lịch; nội dung và tiêu chí đánh giá phát triển du lịch; khái niệm và vai trò của vốn đầu tư đối với phát triển du lịch.

*Thứ hai*, luận án góp phần xây dựng, hoàn thiện khái niệm, đặc điểm và cơ chế tác động của từng nguồn vốn đầu tư đối với phát triển du lịch của địa phương: nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

*Thứ ba*, luận án đã xây dựng tiêu chí đánh giá huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch; các nhân tố ảnh hưởng đến huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch ở địa bàn cấp tỉnh.

*Về mặt thực tiễn:*

*Thứ nhất*, luận án đã tổng kết kinh nghiệm về huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch của một số tỉnh, thành phố trong nước có những thành công trong việc huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch. Từ đó rút ra kinh nghiệm có thể tham khảo, vận dụng cho tỉnh Nghệ An.

*Thứ hai*, luận án đã phân tích đặc điểm tự nhiên, kinh tế- xã hội có ảnh hưởng đến phát triển du lịch tỉnh Nghệ An; phân tích thực trạng phát triển du lịch tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022. Trên cơ sở đó, luận án đã tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch giai đoạn 2016-2022, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế đó.

*Thứ ba*, luận án đã đi sâu nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện huy động vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, kiến nghị với các cơ quan có liên quan để phát triển du lịch tỉnh Nghệ An trong thời gian tới. Trong các giải pháp này, NCS cho rằng các giải pháp phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và đổi mới, cải cách, cải thiện thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư là những giải pháp trọng tâm.

*Thứ tư*, luận án đã tiến hành khảo sát tình hình huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022 thông qua bảng hỏi, với mẫu quan sát gồm 396 phiếu (đối với các cơ sở kinh doanh du lịch); đây là cơ sở để tác giả đánh giá và đề xuất giải pháp huy động vốn phát triển du lịch tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là tài liệu cung cấp thông tin có giá trị cho việc hoạch định và thực thi chính sách huy động vốn đầu tư phát triển du lịch tỉnh Nghệ An nói riêng và các địa phương khác trong nước nói chung.

## **7. Kết cấu luận án**

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 3 chương:

*Chương 1. Lý luận và kinh nghiệm về huy động VĐT cho PTDL.*

*Chương 2. Thực trạng huy động VĐT cho PTDL tại tỉnh Nghệ An.*

*Chương 3. Hoàn thiện huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An.*

## **Chương 1**

# **LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

## **1.1. PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

### **1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của du lịch**

#### **1.1.1.1. Khái niệm về du lịch**

Để có được cách tiếp cận tổng quát và đầy đủ hơn về du lịch như một ngành kinh tế mũi nhọn của một quốc gia hay của địa phương, quan điểm của NCS về du lịch như sau: “*Du lịch là một ngành kinh tế bao gồm các hoạt động tổ chức hướng dẫn du lịch, sản xuất, trao đổi hàng hóa và dịch vụ của DN và cộng đồng dân cư địa phương, nhằm đáp ứng các nhu cầu về đi lại, lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí, tìm hiểu và nhu cầu khác của khách du lịch. Các hoạt động đó phải đem lại lợi ích thiết thực về kinh tế, chính trị, xã hội cho địa phương, nước làm du lịch, cho DN du lịch, cộng đồng dân cư địa phương*”.

#### **1.1.1.2. Đặc điểm của du lịch**

Những đặc điểm chung của du lịch cụ thể như:

- Du lịch là ngành không khói, ít gây ô nhiễm môi trường, giúp khách du lịch vừa được nghỉ ngơi, vừa được thư giãn vừa trải nghiệm thêm nhiều điều hay mới lạ mà du khách chưa biết.

- Du lịch là tổng hợp của nhiều hoạt động khác nhau của con người. Trong một chuyến du lịch, bên cạnh các nhu cầu đặc trưng xuất phát từ mục đích chủ yếu của chuyến đi của du khách là tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng, chữa bệnh... còn có nhiều nhu cầu khác nữa như là mua sắm hàng hoá, đổi tiền, thể thao, tham gia các dịch vụ vui chơi giải trí...

- Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, sự PTDL giúp đa dạng hóa và kích thích sự phát triển của các ngành kinh tế khác: giao thông vận tải, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại... Ngoài ra, du lịch còn giúp tăng cường CSHT, CSVC kỹ thuật cho cộng đồng. Từ đó, du lịch góp phần phát triển KTXH của đất nước, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- SPDL là các dịch vụ, hàng hóa cung cấp cho du khách, được tạo nên bởi sự kết hợp của việc khai thác các yếu tố tự nhiên, xã hội với việc sử dụng các nguồn lực: CSVC kỹ thuật và lao động tại một cơ sở, địa phương hay một quốc gia nào đó. Như vậy SPDL là vô hình, không thể dự trữ và cũng không có tồn kho.

### **1.1.2. Khái niệm, nội dung, các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch**

#### **1.1.2.1. Khái niệm về phát triển du lịch**

Theo NCS, PTDL có thể được hiểu như sau:

*PTDL là quá trình lớn lên hay tăng tiến về mọi mặt của du lịch trong một thời kỳ nhất định nhằm đem lại lợi ích về mặt chính trị, KTXH phù hợp với chiến lược phát triển chung của nền kinh tế.*

### **1.1.2.2. Nội dung về phát triển du lịch**

Nội dung về PTDL được thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Phát triển kết cấu hạ tầng, CSVC kỹ thuật phục vụ du lịch
- Phát triển NNL du lịch
- Phát triển SPDL
- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ cho du lịch
- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch

### **1.1.2.3. Các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch**

- Số lượng khách du lịch
- Doanh thu của ngành du lịch
- Hệ thống CSLT du lịch
- Đóng góp cho NSDP
- Tỷ lệ lao động địa phương đang làm việc trong ngành du lịch
- GRDP ngành du lịch, tỷ trọng GRDP du lịch so với tổng giá trị GRDP của địa phương

địa phương

## **1.1.3. Khái niệm và vai trò của vốn đầu tư đối với phát triển du lịch**

### **1.1.3.1. Khái niệm vốn đầu tư cho phát triển du lịch**

*VĐT cho PTDL là lượng VĐT được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ cho PTDL của một quốc gia hay một địa phương.*

### **1.1.3.2. Vai trò của vốn đầu tư đối với phát triển du lịch**

*Thứ nhất, VĐT vào du lịch sẽ cung cấp nguồn lực cần thiết cho các dự án đầu tư PTDL.*

*Thứ hai, VĐT PTDL sẽ làm thay đổi cơ cấu kinh tế hướng tới khai thác tối đa thế mạnh của mỗi vùng.*

*Thứ ba, VĐT tác động đến tăng trưởng và phát triển kinh tế của ngành du lịch nói riêng, phát triển KTXH nói chung.*

*Thứ tư, VĐT cho du lịch sẽ tác động đến sự phát triển của CSHT, sự chuyển dịch của cơ cấu kinh tế*

*Thứ năm, VĐT cho PTDL được sử dụng để mở rộng đầu tư, sản xuất, mở rộng quy mô các DN.*

*Thứ sáu, VĐT cho PTDL tạo ra các cơ hội việc làm mới, tăng thu nhập cho người lao động, qua đó nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.*

## **1.2. HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

### **1.2.1. Khái niệm huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch**

Trong giới hạn mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, huy động VĐT để PTDL ở địa bàn cấp tỉnh là *quá trình chính quyền cấp tỉnh ban hành và thực thi các chính sách, biện pháp nhằm tập hợp nguồn VĐT từ các chủ thể trong nền kinh tế có*



*lợi ích liên quan, với mục đích đầu tư PTDL.*

### **1.2.2. Nội dung huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch**

Chính quyền cấp tỉnh huy động VĐT cho PTDL thực chất là chính quyền cấp tỉnh sử dụng cơ chế, chính sách và các phương thức phù hợp, hiệu quả nhằm thu hút các nguồn vốn hiện hữu tạo ra nguồn lực tài chính đầu tư PTDL. Mỗi một loại vốn do đặc điểm vốn có của nó về nguồn hình thành nên có cách thức huy động khác nhau.

#### **1.2.2.1. Huy động vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển du lịch**

CQĐP huy động VĐT cho PTDL từ NSNN bao gồm NSTW và từ NSĐP, trong đó NSĐP cho PTDL được huy động từ nguồn cân đối NSĐP, vay từ phát hành trái phiếu CQĐP và vay vốn ODA.

Cơ chế phân bổ VĐT từ NSNN cho PTDL:

- Chính quyền cấp tỉnh sẽ phân bổ trực tiếp vốn NSNN cho các nội dung PTDL của tỉnh. Để có được nguồn vốn này, địa phương phải xây dựng các chương trình, dự án đầu tư được phê duyệt của các cấp chính quyền.

- Đối với các dự án có nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn ngoài NSNN tham gia thì xác định nguồn vốn từ NSNN là quan trọng, đóng vai trò định hướng, là vốn mồi trong huy động VĐT cho PTDL; các nguồn vốn ngoài ngân sách có thể huy động theo hình thức đóng góp tự nguyện hoặc hình thức kết hợp công-tư góp phần giảm bớt gánh nặng về vốn cho NSNN trong quá trình thực hiện các dự án PTDL.

- Việc huy động VĐT từ NSNN cho PTDL ở các địa phương phải tuân thủ theo cơ chế quản lý NSNN và các văn bản pháp luật có liên quan. Cơ chế quản lý chi NSNN đầu tư PTDL được thể hiện ở việc phân rõ trách nhiệm, quyền hạn cho các cấp chính quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN.

Trong bối cảnh NSNN còn eo hẹp, cơ chế phân bổ NSNN cho đầu tư PTDL chủ yếu tập trung vào xây dựng CSHT du lịch cơ bản và vào các nội dung các chương trình, dự án PTDL mang tính định hướng để có thể huy động từ ngân sách trung ương vốn ngoài NSNN. NSNN chỉ đầu tư cho các dự án kết cấu hạ tầng du lịch không có khả năng hoàn vốn trực tiếp và phục vụ lợi ích công cộng.

Cơ chế huy động VĐT từ NSTW: NSTW được phân bổ cho PTDL thông qua các dự án phát triển CSHT du lịch hoặc cũng có thể các dự án phát triển NNL du lịch. UBND cấp tỉnh báo cáo HĐND cấp tỉnh xem xét, đồng thuận về việc đầu tư thực hiện dự án. Căn cứ Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về vấn đề nêu trên, UBND cấp tỉnh thống nhất với Bộ có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc giao UBND cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao UBND cấp tỉnh có khả năng bố trí nguồn VĐT từ NSĐP bao gồm cả vốn hỗ trợ từ NSTW (nếu có) làm cơ quan chủ quản đầu tư các dự án thuộc địa phương quản lý.

Cơ chế huy động VĐT từ nguồn NSĐP: Đối với nguồn vốn từ NSĐP, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp Sở Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và trình UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch cấp vốn hàng năm cho sở. Việc giao kế hoạch vốn hàng năm dựa vào các cơ sở sau đây: Nhu cầu, kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư KCHT du lịch, các nội dung của PTDL do sở xây dựng và thực tế thực hiện

các nội dung đến thời điểm lập kế hoạch; Nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao hàng năm từ chương trình PTDL và các chương trình lồng ghép; Việc phân bổ NSDP cho lĩnh vực du lịch phải cân đối với các nội dung chi khác của NSDP.

Cơ chế huy động vốn qua phát hành trái phiếu CQDP cho PTDL: Khi có nhu cầu phát hành trái phiếu CQDP, UBND cấp tỉnh xây dựng đề án phát hành trái phiếu, trình HĐND cấp tỉnh hoặc Thường trực HĐND cấp tỉnh phê duyệt (trường hợp HĐND cấp tỉnh ủy quyền cho Thường trực HĐND cấp tỉnh). Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu CQDP để Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch phát hành trái phiếu CQDP phải thuộc kế hoạch huy động vốn hàng năm đã được phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

Cơ chế huy động vốn từ vay lại nguồn vốn ODA của Chính phủ: Vốn ODA mà CQDP vay lại được dùng cho các chương trình, dự án đầu tư phát triển KTXH thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương do cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ gửi kế hoạch vay lại ODA gửi Bộ Tài chính phê duyệt. Việc xây dựng kế hoạch vay khoản vay lại từ nguồn vốn ODA của Chính phủ của CQDP phải phù hợp tổng mức Thủ tướng Chính phủ giao, HĐND quyết định và khả năng giải ngân của các chương trình, dự án theo thỏa thuận vay đã ký kết. Và căn cứ dự toán NSDP về trả nợ gốc và nguồn trả nợ gốc; trả lãi, phí và chi phí các khoản vay được HĐND cấp tỉnh quyết định, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập kế hoạch chi trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí các khoản vay của CQDP. CQDP vay lại từ nguồn vốn ODA của Chính phủ căn cứ thỏa thuận vay lại giữa Bộ Tài chính với UBND cấp tỉnh của từng chương trình, dự án. Số vay lại được Thủ tướng Chính phủ giao trong dự toán NSDP hằng năm. Đồng thời hình thức rút vốn và thực hiện giải ngân nguồn vốn ODA trong phạm vi dự toán được giao.

#### ***1.2.2.2. Huy động vốn đầu tư từ doanh nghiệp và cộng đồng dân cư***

Theo xu hướng phát triển hiện nay, nguồn vốn của DN có chiều hướng ngày càng gia tăng vì ngày càng có nhiều DN ra đời dưới nhiều hình thức, quy mô lĩnh vực hoạt động khác nhau và phát triển với tốc độ nhanh. Các hình thức huy động vốn vào DN gồm: vốn góp ban đầu, huy động vốn bằng tín dụng ngân hàng, huy động vốn bằng cách phát hành trái phiếu, huy động vốn bằng cách phát hành cổ phiếu, huy động vốn từ lợi nhuận không chia, huy động vốn bằng tín dụng thương mại, huy động vốn bằng cách thoả thuận vay tiền từ tổ chức, cá nhân khác trong nền kinh tế.

CQDP huy động VĐT từ các DN, người dân thông qua việc khuyến khích các DN, các cá nhân trực tiếp bỏ VĐT PTDL. Để thu hút được nguồn vốn này, đòi hỏi nhà nước và CQDP phải có các chính sách khuyến khích, ưu đãi cụ thể, rõ ràng. Chính sách có thể là chính sách như: chính sách về lao động, chính sách về quảng cáo, chính sách thuế, miễn, giảm tiền sử dụng đất, miễn giảm tiền thuê đất,... Đối với các chính sách ưu đãi đầu tư của trung ương được áp dụng chung với các tỉnh trong

cả nước thì chính quyền tỉnh tổ chức thực hiện tốt các chính sách này nhằm thu hút đầu tư của các DN vào PTDL như các tỉnh khác.

Đối với thu hút đầu tư cho các dự án du lịch, CQĐP cần phải xác lập được danh mục đầu tư phù hợp với lợi ích trực tiếp và năng lực tài chính của DN, của các tổ chức kinh tế, xã hội, đồng thời có cơ chế khuyến khích rõ ràng và phải công khai danh mục đầu tư để kêu gọi đầu tư.

Tóm lại, trong thực tế có rất nhiều nguồn vốn có thể huy động để đầu tư cho PTDL. Đối với chủ thể huy động vốn là chính quyền cấp tỉnh, để có thể huy động được các nguồn vốn trên cho PTDL, chính quyền cấp tỉnh cần phải có cơ chế huy động vốn thích hợp gắn với đặc điểm riêng có của từng nguồn vốn.

### **1.2.3. Các tiêu chí đánh giá huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch**

#### **1.2.3.1. Quy mô huy động vốn phát triển du lịch**

#### **1.2.3.2. Tỷ lệ thực hiện huy động vốn so với kế hoạch và nhu cầu huy động vốn**

#### **1.2.3.3. Cơ cấu nguồn vốn huy động**

#### **1.2.3.4. Tốc độ tăng trưởng từng nguồn vốn**

#### **1.2.3.5. Chi phí huy động vốn phát triển du lịch**

### **1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch**

#### **1.2.4.1. Điều kiện về tài nguyên du lịch, trình độ kinh tế - xã hội**

**1.2.4.2. Quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong đó có phát triển du lịch**

**1.2.4.3. Môi trường và các chính sách thu hút đầu tư của chính quyền cấp tỉnh để phát triển du lịch**

**1.2.4.4. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý địa phương và sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch**

## **1.3. KINH NGHIỆM HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM VÀ BÀI HỌC CHO TỈNH NGHỆ AN**

### **1.3.1. Kinh nghiệm ở một số địa phương**

#### **1.3.1.1. Kinh nghiệm của Quảng Bình**

#### **1.3.1.2. Kinh nghiệm của tỉnh Thanh Hoá**

#### **1.3.1.3. Kinh nghiệm của tỉnh Lào Cai**

#### **1.3.1.4. Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh**

### **1.3.2. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Nghệ An**

Thứ nhất, đa dạng hóa các nguồn VĐT cho PTDL trong đó xác định nguồn vốn NSNN mang tính định hướng.

Thứ hai, kinh nghiệm huy động VĐT đối với nguồn vốn ngân sách.

Thứ ba, kinh nghiệm huy động VĐT từ nguồn vốn của DN, cá nhân.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI TỈNH NGHỆ AN

#### 2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ-XÃ HỘI CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH NGHỆ AN

##### 2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến phát triển du lịch của tỉnh Nghệ An

###### 2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

###### 2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

##### 2.1.2. Thực trạng phát triển du lịch tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2022

Thực trạng phát triển du lịch tỉnh Nghệ An được thể hiện qua một số nội dung:

*Tổng khách:* Giai đoạn 2016-2022, do phải chịu tác động lớn từ sự cố môi trường biển năm 2016 và đại dịch Covid-19 trong năm 2020, 2021 nên lượng khách du lịch đến Nghệ An có nhiều biến động. Số lượng khách du lịch đến Nghệ An giai đoạn 2016-2019 có xu hướng tăng mạnh với tốc độ tăng bình quân đạt 19,04%/năm. Nếu như năm 2016 đạt 3,22 triệu lượt khách thì năm 2017, 2018 lần lượt là 5,96 triệu và 6,05 triệu thì đến năm 2019 số khách du lịch tăng cao đạt 6,59 triệu lượt khách.

Sang năm 2020, năm 2021 do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 dẫn đến lượng khách du lịch đến Nghệ An giảm mạnh. Năm 2020, lượng khách du lịch chỉ đạt 3,5 triệu lượt người. Năm 2021, số lượng khách du lịch chỉ đạt 1,8 triệu lượt người. Năm 2022, du lịch được phục hồi sau đại dịch, toàn tỉnh Nghệ An đón và phục vụ hơn 6,7 triệu lượt khách du lịch (tăng 356% so với năm 2021).

##### *Hệ thống CSLT:*

Trong giai đoạn 2016-2022, hệ thống CSLT để phục vụ khách du lịch của tỉnh Nghệ An có sự gia tăng dựa trên việc cải tạo cơ sở cũ, xây dựng cơ sở mới theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp hóa. Sự gia tăng của CSLT tỉnh Nghệ An được thể hiện ở cả số lượng lẫn chất lượng. Cụ thể:

Tổng số CSLT năm 2016 là 751 với 17.023 phòng. Trong những năm tiếp theo, số CSLT và số phòng liên tục tăng. Năm 2019, cùng với sự gia tăng về nguồn khách du lịch, số CSLT cũng tăng lên 739 cơ sở với 19.954 phòng. Đến năm 2020, 2021 số CSLT tăng không nhiều do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19. Tính đến hết năm 2022, toàn tỉnh có 899 CSLT với 21.783 phòng.

Cùng với sự gia tăng về số lượng, chất lượng hệ thống khách sạn, nhà nghỉ cũng được tỉnh chú trọng đầu tư phát triển. Nếu như số lượng CSLT 3 sao trở lên năm 2016 là 17 thì năm 2022 là 34. Tính đến hết năm 2022, toàn tỉnh có 03 khách sạn 5 sao, 11 khách sạn 4 sao, 20 khách sạn 3 sao và 102 khách sạn 1-2 sao. Tốc độ tăng bình quân CSLT 3 sao trở lên đạt 16,67%/năm. CSLT 1 đến 2 sao có tốc độ tăng trưởng trung bình 4,9 %/năm.

*Doanh thu của ngành du lịch:*

Trong giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng khá cao, với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn đạt 31,7%/năm. Năm 2016 doanh thu ngành du lịch đạt 2.241 tỷ đồng và đến năm 2019 con số này là 4.581 tỷ đồng. Sang năm 2020, 2021 do diễn biến của dịch bệnh đã làm lượng khách đến tham quan giảm rất nhiều, dẫn đến doanh thu ngành du lịch sụt giảm nghiêm trọng. Năm 2021 doanh thu ngành du lịch chỉ đạt 1.115 tỷ đồng, chỉ bằng 25% năm 2019. Tuy nhiên đến năm 2022 số lượng khách du lịch đông trở lại, doanh thu ngành du lịch đã tăng trở lại, đạt 5.600 tỷ đồng, gấp 5 lần năm 2021. Điều này cũng cho thấy sự khởi sắc của ngành du lịch Nghệ An sau hậu Covid.

*DRGP du lịch và tỷ trọng GRDP du lịch/GRDP của địa phương:* Giai đoạn 2016-2019, tỷ trọng GRDP du lịch so với GRDP chung của toàn tỉnh tăng từ 2,1% năm 2016 lên 4,5% năm 2019. Năm 2020, 2021 do diễn biến của dịch Covid -19, ngành du lịch chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch, cho nên tỷ trọng này giảm sút nghiêm trọng, lần lượt tỷ trọng này chỉ còn 2,6 % và 1,5%. Tuy nhiên với sự phục hồi mạnh mẽ của du lịch sau dịch Covid -19 nên tỷ trọng này đã tăng lên 4% trong năm 2022.

*Tăng trưởng GRDP du lịch hàng năm:* Trong 3 năm đầu 2016- 2019 tốc độ tăng trưởng du lịch có sự ổn định hơn so với giai đoạn 2020-2022. Năm 2016 tổng GRDP du lịch của tỉnh là 2.038.100 triệu đồng tăng lên 6.046.300 triệu đồng năm 2019. Hai năm 2020, 2021 GRDP du lịch có sự sụt giảm lớn do ảnh hưởng của dịch Covid 19. GRDP du lịch năm 2020, 2021 lần lượt là 3.878.200, 2.331.300 triệu đồng, bằng 64,1% và 38,6% năm 2019. Tuy nhiên, năm 2022 GRDP du lịch có sự tăng trưởng lớn nhất trong cả giai đoạn, đạt 7.020.600 triệu đồng, đó là tín hiệu đáng mừng cho ngành du lịch Nghệ An.

*Đóng góp cho NSDP:* Thu NSNN từ du lịch giai đoạn 2016-2022 đạt 1.160,85 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2016-2019 thu NSNN của ngành du lịch luôn tăng trưởng đều đặn qua các năm. Tỷ trọng thu NSNN từ ngành du lịch trong tổng thu nội địa tỉnh lần lượt là 1,02% vào năm 2016 và 1,56% vào năm 2019. Thu NSNN giai đoạn 2016 -2019 với tốc độ tăng trưởng bình quân 18%/năm. Tuy nhiên 2 năm 2020, 2021 thu NSNN giảm sút mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, đặc biệt là năm 2021. Tỷ trọng thu NSNN từ ngành du lịch trong tổng thu nội địa tỉnh năm 2021 chỉ đạt 0,44%. Năm 2022, khi ngành du lịch phục hồi sau covid thì tỷ trọng này tăng lên đáng kể, đạt 1,39%. Có thể thấy giai đoạn 2016-2022 tỷ trọng thu NSNN từ ngành du lịch trong tổng thu nội địa tỉnh chưa vượt quá 2%, mức đóng góp cho NSDP còn rất hạn chế khi tiềm năng du lịch của tỉnh rất thuận lợi.

## **2.2. THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2016 – 2022**

Trong giai đoạn 2016-2022, tổng số VĐT phát triển toàn xã hội của tỉnh Nghệ An là 473.959 tỷ đồng.

**Bảng 2.1. Quy mô VĐT toàn xã hội và ngành du lịch tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng VĐT toàn xã hội	48.221	54.463	62.327	68.681	72.890	83.082	84.295
VĐT ngành du lịch	1.694	1.976	2.265	2.597	2.478	2.352	2.484
Tỷ trọng (%)	3,50	3,62	3,63	3,78	3,4	2,83	2,95

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An các năm 2016-2022 và số liệu tổng hợp của tác giả*

VĐT cho lĩnh vực du lịch tỉnh Nghệ An đạt 15.846,362 tỷ đồng, chiếm 3,34% tổng VĐT toàn xã hội của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022. Nhìn vào bảng 2.1 có thể thấy VĐT tăng không đều qua các năm. Nếu năm 2016 tổng VĐT trong lĩnh vực du lịch là 1.694,1 tỷ đồng thì đến năm 2019 tổng VĐT là 2.597,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, 3 năm 2020 -2022, VĐT giảm, chiếm hơn 90% VĐT năm 2019.

**Bảng 2.2. Cơ cấu VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Nguồn vốn NSNN	69	70	73	77	79	73	73
Nguồn vốn ngoài NSNN từ các DN, cá nhân	1.625	1.906	2.192	2.520	2.399	2.279	2.411
Tổng	1.694	1.976	2.265	2.597	2.478	2.352	2.484

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An*

Nhìn vào bảng 2.2, có thể thấy nguồn VĐT cho du lịch tỉnh Nghệ An tập trung ở nguồn vốn ngoài NSNN. Nguồn VĐT từ NSNN giai đoạn 2016-2022 là 514,512 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,24% trong tổng số nguồn VĐT cho du lịch Nghệ An. Nguồn VĐT ngoài khu vực nhà nước là 15.331,85 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 96,76% trong tổng số nguồn VĐT cho du lịch Nghệ An. Mặc dù VĐT ngoài NSNN chiếm tỷ trọng cao hơn hẳn so với VĐT từ NSNN nhưng quy mô vẫn chưa xứng với tiềm năng phát triển của du lịch tỉnh. Điều này cho thấy lĩnh vực du lịch của tỉnh chưa thu hút được nhiều NĐT có tiềm lực về vốn và khả năng đầu tư lớn, do đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự PTDL.

Bên cạnh đó, nguồn vốn huy động cho PTDL vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vốn cho PTDL giai đoạn 2016-2022. Cụ thể:

**Bảng 2.3. Nhu cầu VĐT và VĐT huy động được cho PTDL giai đoạn 2016-2022***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Nhu cầu VĐT	Vốn huy động	Tỷ trọng (%)
	<i>Tổng số</i>	25.000	15.846	63,39
1	Vốn NSNN	1.500	515	34,30
2	Vốn ngoài NSNN	23.500	15.331	65,24

*Nguồn: Sở Du lịch Nghệ An*

Nhìn vào bảng trên có thể thấy, VĐT mà tỉnh huy động được mới chỉ đáp ứng được 63,39% tổng nhu cầu VĐT cho PTDL trong giai đoạn 2016-2022. Nhu cầu VĐT cho PTDL Nghệ An giai đoạn này là 25.000 tỷ đồng, trong đó nhu cầu về vốn NSNN là 1.500 tỷ đồng và vốn ngoài NSNN là 23.500 tỷ đồng. Đối với từng loại nguồn vốn cũng chưa đáp ứng nhu cầu vốn của cả giai đoạn. Vốn NSNN mới chỉ đáp ứng được 34,3% nhu cầu về vốn NSNN và vốn ngoài NSNN mới đáp ứng được 65,24% nhu cầu về vốn ngoài NSNN.

Để làm rõ hơn tình hình huy động vốn, nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát điều tra về thực trạng huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An. Tác giả đã phát 422 phiếu điều tra đến các đối tượng khảo sát là chủ DN kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, NĐT. Kết quả, tác giả đã thu về 396 phiếu điều tra đảm bảo độ tin cậy cao. Các đối tượng khảo sát đã trả lời 18 câu hỏi liên quan đến du lịch Nghệ An, các nội dung về phát triển du lịch Nghệ An, mức độ đầu tư của CQĐP tới du lịch, cơ chế chính sách của Nghệ An dành cho các NĐT... Các kết quả khảo sát đã góp phần hỗ trợ tác giả đánh giá thực trạng huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An trong thời gian qua.

### **2.2.1. Huy động vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước**

Giai đoạn 2016-2022, nguồn VĐT từ NSNN cho PTDL đạt 514,512 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,24% trong tổng số VĐT cho du lịch và 0,11% trên tổng VĐT toàn xã hội tỉnh Nghệ An.

**Bảng 2.4. Vốn huy động từ NSNN cho PTDL tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ trọng (%)	So với Kế hoạch (%)
	<i>Tổng số NSNN</i>	559.789	514.512	100	91,91
1	NSTW	321.400	286.532	55,7	89,15
2	NSĐP (bao gồm đối ứng dự án ODA)	238.389	227.980	44,3	95,63
3	Vốn vay ODA		0	0	
4	Phát hành TP CQĐP	-	-	-	-

*Nguồn: Sở Du lịch Nghệ An*

#### **2.2.1.1. Huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch từ nguồn ngân sách trung ương**

NSTW được phân bổ cho ngành du lịch để đầu tư xây dựng cho một số dự án phát triển CSHT du lịch trọng điểm của tỉnh chẳng hạn như xây dựng, nâng cấp, cải

tạo quốc lộ có ảnh hưởng đến PTDL.... Đối với các dự án này, NSTW được bố trí hỗ trợ một phần hoặc hỗ trợ hoàn toàn. Các dự án NSTW hỗ trợ một phần thì phần vốn còn lại có thể bố trí NSDP, vốn vay ODA và các nguồn vốn khác.

Giai đoạn 2016-2022 nguồn NSTW được phân bổ cho dự án với số tiền là 286,532 tỷ đồng, chiếm 55,7% vốn NSNN cho PTDL tỉnh Nghệ An. Giai đoạn này NSTW chỉ phân bổ cho các dự án xây dựng mới đường giao thông có ảnh hưởng tới PTDL và nâng cấp, cải tạo đường giao thông. Tuy nhiên nhìn vào bảng 2.4 có thể thấy, vốn huy động từ NSTW thực tế là 286,532 tỷ đồng, trong khi đó kế hoạch là 321,4 tỷ đồng, như vậy so với kế hoạch đã đạt được 89,15% kế hoạch. Việc giải ngân VĐT công này chậm do có 4 dự án thuộc giai đoạn 2021-2025, các dự án này chịu ảnh hưởng của dịch Covid -19 nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

### **2.2.1.2. Huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch từ nguồn ngân sách địa phương**

Chi NSDP cho PTDL bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên. Chi đầu tư phát triển được bố trí cho đầu tư xây dựng CSHT du lịch. Chi thường xuyên bố trí cho phát triển các SPDL của địa phương; tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch; ứng dụng KHCN cho du lịch; quản lý nhà nước về du lịch.

Nguồn vốn từ NSDP, UBND tỉnh Nghệ An đã giao Sở Tài chính phối hợp Sở Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và trình UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch cấp vốn hàng năm cho sở. Việc giao kế hoạch vốn hàng năm dựa vào các cơ sở sau đây: Nhu cầu, kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, các nội dung trong chương trình PTDL do sở xây dựng và thực tế thực hiện các nội dung đến thời điểm lập kế hoạch; Nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao hàng năm từ chương trình PTDL và các chương trình lồng ghép; Nguồn lực có khả năng huy động được của các tổ chức, cá nhân cho thực hiện dự án PTDL theo kế hoạch.

Tổng VĐT phân bổ từ NSDP giai đoạn 2016-2022 cho PTDL tỉnh Nghệ An (chưa bao gồm hỗ trợ dự án ODA) là 221.641 triệu đồng. Trong đó, NSDP dành cho phát triển CSHT du lịch là 152.413 triệu đồng, chiếm 68,77%; phát triển SPDL là 23.301 triệu đồng, chiếm 10,51%; đào tạo NNL du lịch 7.105 triệu đồng, chiếm 3,2%; công tác quản lý nhà nước về du lịch tỷ đồng, chiếm 3,2%; tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch tỷ đồng, chiếm 15,34%; ứng dụng KHCN cho PTDL 1.450 triệu đồng, chiếm 0,65% trên tổng vốn NSDP cho PTDL.

**Bảng 2.5. VĐT NSDP cho PTDL tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>	<b>So với Kế hoạch (%)</b>
	<i>Tổng số</i> (chưa bao gồm hỗ trợ dự án ODA)	231.342	221.641	100	95,80
1	CSHT du lịch	156.700	152.413	68,77	97,26



2	Phát triển SPDL	23.301	23.301	10,51	100,00
3	Tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch	38.730	33.991	15,34	87,76
4	KHCN	1.450	1.450	0,65	100,00
5	Quản lý NN về du lịch	3.381	3.381	1,53	100,00
6	Đào tạo NNL	7.780	7.105,17	3,2	91,32

*Nguồn: Báo cáo hàng năm của Sở Tài Chính tỉnh Nghệ An*

### **2.2.1.3. Huy động vốn đầu tư từ ODA**

Tỉnh Nghệ An được huy động vốn vay ODA của Chính phủ để thực hiện các dự án quan trọng theo nguyên tắc: các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua và có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. UBND tỉnh Nghệ An trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định theo cơ chế Chính phủ vay về cho Tỉnh vay lại để đầu tư các dự án, công trình theo đề nghị của tỉnh.

Đối với huy động VĐT PTDL, tỉnh Nghệ An vay vốn ODA cho phát triển CSHT du lịch khi mà nguồn vốn từ NSTW hay NSDP bị hạn chế.

Thời gian qua, tỉnh đã và đang tiếp cận nguồn vốn vay ODA cho 1 dự án từ ngân hàng ADB Châu Á cho phát triển CSHT du lịch.

Đối với tiêu dự án ở Nghệ An, chủ đầu tư là Sở Du lịch Nghệ An, được xây dựng trên 2 địa điểm là huyện Yên Thành và thị xã Cửa Lò. Dự án giúp huyện Yên Thành, thị xã Cửa Lò thu hút thêm du khách với tiềm năng chi tiêu cao hơn trong suốt cả năm, cũng như tăng khả năng thích ứng biến đổi khí hậu. Dự án sẽ cải tạo kè biển dài 5,5km và thoát nước dọc đường đi dạo ven biển, cải thiện các khu vực giải trí công cộng, và mở rộng không gian chợ cho những người bán hàng ở địa phương. Dự án cũng sẽ cải tạo 31 ki-lô-mét đường nông thôn-thành thị và 13 bến thuyền phục vụ hành khách để giúp người dân và du khách tiếp cận thuận lợi các địa danh văn hóa, lịch sử. Dự án tại Nghệ An này được thực hiện dựa trên các văn bản: 1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018; 4776/QĐ-UBND ngày 26/10/2018. Tổng mức đầu tư của dự án là 278.947 tỷ đồng trong đó NSDP hỗ trợ 36.638 tỷ đồng, vốn vay lại ADB là 48.462 triệu đồng, đưa vào đối ứng NSTW là 193.847 triệu đồng [phụ lục]. Vốn vay ODA này chỉ dùng cho dự án, không hoà vào nguồn NSDP của tỉnh Nghệ An.

Dự án được đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và bắt đầu giải ngân VĐT công từ năm 2022. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện dự án gặp không ít khó khăn, vướng mắc khiến cho vốn huy động cho dự án này của tỉnh rất thấp.

### **Bảng 2.7. Tình hình giải ngân VĐT công của dự án vay ODA năm 2022**

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2022		Đã giải ngân năm 2022		Tỷ lệ giải ngân của dự án năm 2022
	Nguồn NSDP	Vốn nước ngoài	Nguồn NSDP	Vốn nước ngoài	
Phát triển CSHT du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng-giai đoạn 2”, tiểu dự án tỉnh Nghệ An	7.047	16.227	6.339	0	27,24%

Nguồn: Sở KHĐT tỉnh Nghệ An

Tính đến hết ngày 31/12/2022, giải ngân vốn ODA là 0 đồng, nguồn vốn đối ứng từ NSDP là 6.339 triệu đồng. Tỷ lệ giải ngân mới chỉ đạt 27,24% trên kế hoạch giải ngân của năm 2022 là 23.274 triệu đồng. Số vốn này chủ yếu sử dụng cho thiết kế và tư vấn dự án. Đây là con số rất thấp, ảnh hưởng lớn tới tiến độ thực hiện dự án khi mà theo kế hoạch dự án sẽ kết thúc vào năm 2024 và ảnh hưởng kế hoạch đầu tư công của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

#### **2.2.1.4. Huy động vốn đầu tư từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương**

Giai đoạn 2016-2022, nguồn vốn trái phiếu địa phương chưa được sử dụng cho phát triển KTXH trong đó có PTDL tỉnh Nghệ An.

Như vậy, có thể thấy, nguồn vốn NSNN đã phân bổ cho PTDL trong giai đoạn 2016-2022 là 514.512 triệu đồng, thực hiện được 91,91% kế hoạch, chiếm % tổng VĐT huy động được. Trong đó, vốn NSTW là 286.532 triệu đồng chiếm 55,7%, được đầu tư vào hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ du lịch. Vốn NSDP là 227.980 triệu đồng chiếm 44,3%, được phân bổ cho các nội dung của PTDL. Vốn vay ODA vẫn chưa được giải ngân theo như kế hoạch đầu tư công của tỉnh. Nguồn vốn trái phiếu CQĐP chưa được sử dụng.

#### **2.2.2. Huy động vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, người dân**

Xác định đây là nguồn VĐT cấp thiết để PTDL nên thời gian qua chính quyền tỉnh Nghệ An đã thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và ban hành thêm các chính sách khuyến khích, hỗ trợ để có thể huy động một cách tốt nhất nguồn VĐT ngoài NSNN từ các DN, người dân. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã áp dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An thời gian qua thể hiện trong nhiều văn bản.

Các chính sách này được cụ thể hóa như sau:

*Chính sách thuế*

*Chính sách ưu đãi về đất đai*

*Chính sách về hỗ trợ quảng cáo, quảng bá giới thiệu hình ảnh*

*Chính sách về hỗ trợ cung cấp thông tin, thủ tục đầu tư trong bước chuẩn bị đầu tư*

*Chính sách hỗ trợ đào tạo lao động*

Kết quả huy động nguồn VĐT ngoài NSNN từ các DN, người dân như sau:

*Thứ nhất, đầu tư vào các dự án du lịch.*

Trong giai đoạn 2016-2022, Nghệ An đã có 24 dự án của các DN đầu tư vào lĩnh vực du lịch với tổng VĐT đăng ký cho dự án lên tới 45.523,216 tỷ đồng. Giai đoạn 2016-2022, các DN mới chỉ thực hiện 10.983,834 tỷ đồng vào các dự án du lịch. Tỷ lệ thực hiện trên số vốn đăng ký đầu tư đạt 24,12%. Đây là tỷ lệ khá thấp, ảnh hưởng lớn tới sự PTDL tỉnh Nghệ An.

*Thứ hai, đầu tư vào phát triển dịch vụ và SPDL.*

Giai đoạn vừa qua, tỉnh Nghệ An đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các DN và người dân về phát triển SPDL. Các DN, người dân đầu tư khai thác phát triển các dịch vụ và SPDL ở những khu, điểm du lịch của Nghệ An. Đầu tư khai thác các trung tâm vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch; phát triển các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp... Các DN, người dân đồng hành cùng chính quyền tỉnh phát triển các SPDL của Nghệ An: du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch văn hóa lịch sử gắn với tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...

Giai đoạn vừa qua, số VĐT của các DN và cộng đồng dân cư cho phát triển dịch vụ du lịch là 4.256,93 tỷ đồng, trong đó VĐT của các DN là 4.126,19 tỷ đồng, của cộng đồng dân cư là 130,74 tỷ đồng.

*Thứ ba, đầu tư vào tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến thương hiệu.*

Thời gian qua, các DN kinh doanh du lịch ở Nghệ An đã tích cực đầu tư trực tiếp cho các hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến, nâng cao hình ảnh của du lịch Nghệ An tới các du khách trong và ngoài nước vào. Số tiền các DN đã đầu tư cho các hoạt động này là 32.291,18 triệu đồng.

*Thứ tư, VĐT cho đào tạo NNL du lịch.*

Bên cạnh sự đầu tư từ nguồn NSNN để đào tạo và phát triển NNL du lịch thì tỉnh cũng khuyến khích các DN tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, ngoại ngữ, kỹ năng... cho người lao động.

Các DN có thể tự đào tạo tại chỗ, có thể cử người lao động tham gia đào tạo các lớp tập huấn nghiệp vụ tại các đơn vị đào tạo về du lịch hoặc các lớp tập huấn do Sở du lịch tổ chức.

Nguồn vốn ngoài NSNN cho đào tạo và phát triển NNL du lịch giai đoạn 2016-2022 đạt 58.790,7 triệu đồng và có sự sụt giảm ở các năm cuối. Giai đoạn 2016-2019 nguồn vốn tăng trưởng đều đặn với tốc độ bình quân 1 năm là 12,7%, tăng từ 8.055,6 tỷ đồng vào năm 2016 lên gần 11.123,5 tỷ đồng vào năm 2019. VĐT năm 2019 lớn gấp 1,38 lần so với năm 2016. Điều này cũng phản ánh đúng sự phát triển của du lịch Nghệ An giai đoạn 2016-2019. Đến năm 2020 và 2021, với sự giảm sút nặng nề về nhân lực trong ngành du lịch do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nên nguồn VĐT cho đào tạo nhân lực cũng giảm nhiều. Năm 2020, 2021 nguồn vốn này chỉ bằng 57,7% và 52% so với năm 2019. Tuy nhiên năm 2022, nguồn vốn dành cho

đào tạo NNL gia tăng mạnh khi mà ngành du lịch có sự phục hồi mạnh mẽ sau dịch Covid 19.

Như vậy, có thể thấy, nguồn vốn ngoài NSNN từ DN, cá nhân đã huy động cho PTDL trong giai đoạn 2016-2022 là 15.331,85 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn huy động từ người dân là 130,74 tỷ đồng, chiếm 0,85%; nguồn vốn huy động từ DN đạt 15.161,11 tỷ đồng, đạt 98,89% trên tổng nguồn vốn ngoài NSNN từ DN, người dân. Xét về cơ cấu đầu tư, vốn huy động cho các dự án du lịch 10.983,834 tỷ đồng; phát triển SPDL 4.256,93 triệu đồng; tuyên truyền quảng bá, xúc tiến 32,291 tỷ đồng; đào tạo NNL du lịch 58,790 tỷ đồng. Trong đó, nguồn VĐT vào các dự án du lịch chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tuy nhiên, so với tổng nhu cầu vốn ngoài NSNN giai đoạn 2016-2022 là 49.871,227 tỷ đồng thì chỉ mới thực hiện huy động được 30,74%.

### **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HUY ĐỘNG VỐN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2016 - 2022**

#### **2.3.1. Những kết quả đạt được**

*Một là*, giai đoạn 2016-2022, VĐT chính quyền tỉnh Nghệ An huy động đạt 15.844,364 tỷ đồng, chiếm 3,34% tổng VĐT toàn xã hội của cả giai đoạn. Việc huy động vốn cho PTDL với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh đã có nhiều điểm sáng, từ đó làm thay đổi rõ nét ngành du lịch tỉnh Nghệ An.

*Hai là*, chính quyền tỉnh Nghệ An huy động nguồn VĐT đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau: nguồn vốn NSNN và ngoài NSNN

*Ba là*, nguồn VĐT từ NSNN cho PTDL những năm gần đây liên tục tăng qua các năm.

*Bốn là*, trong giai đoạn 2016-2022, công tác huy động VĐT cho PTDL đã rất quan tâm chú trọng đến việc huy động nguồn VĐT ngoài NSNN. Nguồn VĐT ngoài NSNN cho PTDL đạt 15.331,85 tỷ đồng. Nguồn vốn này chiếm tỷ trọng rất cao so với nguồn vốn từ NSNN (96,76%).

*Năm là*, quá trình triển khai huy động các nguồn VĐT từ ngân sách và ngoài ngân sách đã giúp cho chính quyền tỉnh Nghệ An và các cơ quan tham mưu, cán bộ nghiệp vụ được làm quen và tích lũy được một số kinh nghiệm trong việc huy động vốn đầu tư cho PTDL.

#### **2.3.2. Những hạn chế**

*Thứ nhất*, tổng VĐT thực hiện được chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho PTDL tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2022.

*Thứ hai*, VĐT từ NSNN chưa đảm bảo so với nhu cầu cần có của ngành du lịch, chưa phát huy được vai trò làm “vốn môi” để thu hút nguồn vốn ngoài NSNN tham gia PTDL

*Thứ ba*, mức độ huy động vốn từ các nguồn vốn ngoài NSNN còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu PTDL địa phương. Nguồn vốn ngoài NSNN từ các DN, cộng đồng dân cư giai đoạn 2016-2022 đạt 15.331,85 tỷ đồng, chiếm 65,24% nhu cầu vốn ngoài NSNN cho PTDL.

### **2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế**

#### **2.3.3.1. Nguyên nhân chủ quan**

*Một là*, NSNN cho PTDL tỉnh Nghệ An còn thấp, dàn trải vì nguồn thu NSNN không đủ trang trải trong khi tỉnh có quá nhiều nhiệm vụ chi.

*Hai là*, đội ngũ cán bộ một số ban dự án còn hạn chế về trình độ chuyên môn, kiến thức, kinh nghiệm về huy động VĐT PTDL.

*Ba là*, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở, nhận thức của DN và người dân về đầu tư PTDL còn hạn chế.

*Bốn là*, công tác giải phóng mặt bằng chưa thực hiện quyết liệt, đồng bộ, nhất quán.

*Năm là*, việc giải ngân ODA cho dự án đầu tư phát triển du lịch giai đoạn vừa qua đang ở mức rất thấp.

*Sáu là*, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho đầu tư của doanh nghiệp vào phát triển du lịch vẫn chưa được tỉnh quan tâm đúng mức.

#### **2.3.3.2. Nguyên nhân khách quan**

*Một là*, giai đoạn 2016-2022, ngành du lịch Nghệ An chịu ảnh hưởng rất nghiêm trọng thiên tai dịch bệnh xảy ra liên tiếp. Năm 2016 xảy ra sự cố môi trường biển ở miền Trung và năm 2020, 2021 xảy ra đại dịch Covid-19 đã gây thiệt hại vô cùng lớn tới hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh du lịch và đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

*Hai là*, các cơ chế chính sách đặc thù của nhà nước dành cho Nghệ An mới chỉ được áp dụng trong thời gian ngắn khi Quốc hội ban hành nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An. Còn thời gian trước đó, các cơ chế chính sách mà nhà nước dành cho Nghệ An chưa rõ ràng cho nên nguồn vốn NSTW hỗ trợ cho tỉnh còn khá hạn chế trong đó PTDL.

*Ba là*, do tình hình kinh tế, chính trị của thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, làm cho lượng du khách quốc tế tới Việt Nam và Nghệ An có sự giảm sút, ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư kinh doanh du lịch của các cơ sở kinh doanh du lịch Nghệ An.

*Bốn là*, do điều kiện tài nguyên của tỉnh Nghệ An. Mặc dù Nghệ An có nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng nhưng nguồn tài nguyên này phân bố dàn trải khắp địa bàn toàn tỉnh. Với diện tích lớn nhất cả nước nên rất khó khăn trong công tác đầu tư cho phát triển hạ tầng du lịch, từ đó ảnh hưởng lớn tới phát triển SPDL. Nguồn chi NSNN có hạn cũng gặp cản trở khi phân bổ nguồn lực, đồng thời các DN cũng e ngại khi rót VĐT vào những nơi có CSHT du lịch chưa hoàn chỉnh.

*Năm là*, các DN du lịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An phần lớn có quy mô nhỏ và hộ cá thể, tiềm lực cạnh tranh, khả năng quản trị, tính chuyên nghiệp chưa cao; một số khu, điểm du lịch phát triển tự phát, không theo quy hoạch từ những năm trước, tạo nên các SPDL có chất lượng chưa cao. Do vậy ảnh hưởng đến khả năng huy động VĐT từ DN.

### CHƯƠNG 3

#### HOÀN THIỆN HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH NGHỆ AN

#### 3.1. BỐI CẢNH, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ QUAN ĐIỂM HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ TỈNH NGHỆ AN

##### 3.1.1. Bối cảnh, định hướng, mục tiêu phát triển du lịch Nghệ An đến năm 2030

##### 3.1.2. Quan điểm huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch của tỉnh Nghệ An

#### 3.2. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2030

##### 3.2.1. Nhóm các giải pháp chung

*3.2.1.1. Phát triển, khơi thông các kênh đầu tư, đa dạng hóa các công cụ và hình thức huy động vốn nhằm mục tiêu huy động tối đa các nguồn lực tài chính cho phát triển du lịch.*

*3.2.1.2. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách huy động vốn đầu tư cho phát triển du lịch*

##### 3.2.2. Nhóm các giải pháp cụ thể cho các nguồn vốn đầu tư nhằm phát triển du lịch tỉnh Nghệ An

##### 3.2.2.1. Giải pháp huy động vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước

###### a) Giải pháp huy động VĐT từ nguồn NSTW

- Chính quyền tỉnh cần phối hợp chặt chẽ với Bộ, ngành Trung ương để sớm bố trí nguồn vốn trong các năm để khởi công các công trình, dự án CSHT có ảnh hưởng đến PTDL đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW tránh tình trạng chậm vốn.

- Ngoài nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, tỉnh cần chủ động làm việc với các bộ, ngành Trung ương có liên quan để bổ sung nguồn lực thực hiện những định hướng lớn của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW; Thông báo số 55-TB/TW ngày 20/4/2019 của Bộ Chính trị trong đó có PTDL địa phương.

- Tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cấp Bộ, ngành Trung ương đưa một số hạng mục CSHT du lịch quan trọng của tỉnh vào danh mục ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn tiếp theo. Thời gian qua, nguồn vốn NSTW mới chỉ tập trung cho CSHT du lịch là giao thông đường bộ, cần đưa thêm nhiều hạng mục như đường thủy, đường hàng không, đường sông, đường sắt chẳng hạn cảng biển Cửa Lò

- Tỉnh Nghệ An phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban quản lý vốn Nhà nước, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam đề xuất ưu tiên nguồn lực để đầu tư xây dựng dự án Cảng hàng không Quốc tế Vinh, hỗ trợ từ nguồn NTTW cho tỉnh để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đường cất hạ cánh mới để đẩy nhanh tiến độ sớm triển khai hoàn thành hạng mục này, đảm bảo phát triển, khai thác các đường bay quốc tế đến và đi từ Nghệ An, xứng tầm là cảng hàng không quốc tế trọng điểm của khu vực miền Trung.

*b) Giải pháp huy động VĐT từ nguồn NSDP*

*Thứ nhất*, tỉnh Nghệ An cần tập trung hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới. Tập trung các giải pháp tăng thu ngân sách như xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, tăng cường quản lý thu tiền sử dụng đất, thu hoạt động xuất khẩu, hạn chế nợ đọng thuế. Qua đó tạo nguồn thu bền vững góp phần đảm bảo đủ nguồn chi cho chi thường xuyên và đầu tư phát triển, từ đó tăng nguồn chi cho PTDL.

*Thứ hai*, tỉnh cần ưu tiên nguồn lực từ đầu tư công, nguồn khai thác quỹ đất, nguồn trong dự toán hàng năm và phấn đấu vượt thu để sớm đầu tư hoàn thiện các công trình hạ tầng trọng điểm trong đó có các công trình hạ tầng ảnh hưởng đến sự PTDL được xác định đầu tư từ nguồn NSNN. Tỉnh cần nghiên cứu xây dựng các cơ chế đặc thù về nguồn khai thác quỹ đất trên địa bàn để hoàn thiện hạ tầng đô thị cho thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và các thị xã khác của tỉnh. Đặc biệt là một số công trình động lực mang tính liên kết vùng, lan tỏa, thu hút được khách du lịch.

*Thứ ba*, tỉnh cần có kế hoạch sử dụng có hiệu quả nguồn lực thực hiện Nghị quyết 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù tỉnh Nghệ An và tập trung chỉ đạo, huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm có ảnh hưởng đến PTDL tạo động lực lớn cho thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, kết nối hiệu quả các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh như dự án đầu tư mở rộng Cảng hàng không Quốc tế Vinh...

*Thứ tư*, tỉnh cần thường xuyên liên tục đôn đốc các cơ quan ban ngành cấp tỉnh có liên quan hoàn thành hồ sơ thủ tục các dự án du lịch và có ảnh hưởng đến PTDL trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được HĐND, UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư để sớm triển khai xây dựng đảm bảo tiến độ.

*Thứ năm*, tỉnh cần hoàn thiện các cơ chế chính sách phân bổ NSNN cho các nội dung PTDL để đạt được các mục tiêu, định hướng của chiến lược PTDL.

*Thứ sáu*, cần cân đối nguồn vốn NSNN cho các nội dung của PTDL sao cho phù hợp với chiến lược và mục tiêu PTDL.

*Thứ bảy*, tỉnh cần có chính sách hỗ trợ kinh phí NSNN cho khâu giải phóng mặt bằng nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút tối đa nguồn vốn ngoài NSNN đầu tư vào du lịch

*c) Giải pháp huy động VĐT từ vốn vay ODA*

*Một là*, để nhận được nguồn vốn ODA, trước hết tỉnh phải được ưu tiên ngay từ Trung ương trong bố trí nguồn vốn ODA, bên cạnh đó khi nhận viện trợ tỉnh phải bố trí được nguồn vốn đối ứng theo yêu cầu.

*Hai là*, nâng cao chất lượng lập danh mục các dự án phục vụ du lịch có thể sử dụng nguồn vốn ODA trước khi trình Bộ ngành trung ương đăng ký với các nhà tài trợ và Chính phủ các nước.

*Ba là*, trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng các dự án phục vụ du lịch

thuộc nguồn vốn ODA cần tăng cường công tác quản lý sử dụng vốn của các cơ quan, đơn vị được nhận quản lý vốn; chuẩn bị mặt bằng đầu tư, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, mốc tiến độ thi công và giải ngân đã định cũng rất quan trọng.

*Bốn là*, nâng cao ý thức trách nhiệm của các cán bộ ban quản lý dự án ODA.

*d) Giải pháp huy động VĐT từ trái phiếu CQDP*

Theo NCS, huy động vốn đầu tư cho PTDL bằng cách phát hành trái phiếu chính quyền địa phương đây là một giải pháp mang tính đặc thù cho tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

*Một là*, lãi suất huy động phát hành trái phiếu CQDP sẽ do HĐND tỉnh phê chuẩn và được xây dựng theo nguyên tắc: Lãi suất trái phiếu huy động phải ở mức hợp lý, vừa phù hợp với khả năng thanh toán của NSDP nhưng lại phải mang tính cạnh tranh và đủ sức hấp dẫn thu hút các nguồn tiền nhàn rỗi trong cộng đồng dân cư.

*Hai là*, do nguyên tắc xây dựng mức lãi suất trái phiếu đầu tư huy động thường thấp hơn hoặc bằng với lãi suất bình quân của Ngân hàng thương mại, cho nên, phải lựa chọn dự án đầu tư thích hợp.

*Ba là*, đồng thời với việc tổ chức triển khai thực hiện phát hành trái phiếu CQDP phải kết hợp với tổ chức phát động các đợt vận động tuyên truyền trong hệ thống chính trị và nhân dân để các tổ chức và nhân dân thấy được mục đích, ý nghĩa của việc huy động VĐT PTDL.

**3.2.2.2. Giải pháp huy động vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, người dân**

*a) Giải pháp huy động VĐT từ DN*

*Thứ nhất*, tỉnh cần tạo mặt bằng, quỹ đất sạch để thu hút các dự án đầu tư PTDL.

*Thứ hai*, chuẩn bị hạ tầng thiết yếu

*Thứ ba*, để huy động nguồn vốn tối đa từ các DN cho PTDL, chính quyền cấp tỉnh cần đổi mới, cải cách, cải thiện thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh hấp dẫn, an toàn, hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi cho các NĐT. Đây là giải pháp quan trọng nhất để có thể thu hút NĐT bỏ vốn đầu tư cho PTDL ở Nghệ An,

*Thứ tư*, sẵn sàng>NNL

*Thứ năm*, hoàn thiện công tác xúc tiến đầu tư du lịch.

*Thứ sáu*, tỉnh cần nghiên cứu lựa chọn, nhận định và thu hút những NĐT chiến lược cùng với những dự án với quy mô lớn nhằm góp phần định vị nên hình ảnh, SPDL chất lượng cao, đẳng cấp, tạo thương hiệu cho du lịch tỉnh Nghệ An.

*Thứ bảy*, sẵn sàng hỗ trợ các DN du lịch khi DN gặp bất cứ khó khăn trong quá trình tìm hiểu, đầu tư kinh doanh tại Nghệ An.

*b) Giải pháp huy động VĐT từ cộng đồng dân cư*

*Thứ nhất*, CQDP cần xác định rõ thế mạnh của từng vùng, khu vực của tỉnh trong việc phát triển các SPDL để khai thác đúng tiềm năng lợi thế, từ đó có thể đưa ra kế hoạch huy động VĐT cụ thể từ cộng đồng dân cư.



*Thứ hai*, để thu hút được tối đa nguồn vốn tiềm tàng trong dân, trước mắt cần phải hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ du lịch như đường sá, điện nước...

*Thứ ba*, cần nâng cao nhận thức về du lịch cho người dân, giúp người dân hiểu PTDL cộng đồng là con đường phát triển kinh tế bền vững nhằm nâng cao sinh kế, giảm sự phụ thuộc vào nguồn tài nguyên hữu hạn, đồng thời quảng bá được nét đẹp văn hóa truyền thống địa phương. nhau huy động VĐT, trong đó, mô hình du lịch cộng đồng là điển hình.

*Thứ tư*, CQĐP cần có chính sách khuyến khích người dân tham gia, tạo điều kiện để người dân phát huy giá trị các loại hình văn hóa, nghệ thuật, nghề thủ công truyền thống... để phục vụ du khách.

*Thứ năm*, tập trung cho công tác tuyên truyền sâu rộng các nghị quyết, kế hoạch của tỉnh cũng như địa phương về PTDL và kế hoạch huy động vốn các chương trình PTDL hoặc ảnh hưởng đến sự PTDL có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến quyết định tham gia đóng góp của người dân các địa phương.

*Thứ sáu*, xác định việc nâng cao kiến thức về du lịch cho cộng đồng dân cư là quan trọng trong xây dựng hình ảnh điểm đến.

*Thứ bảy*, tạo điều kiện để tăng cường sự hợp tác, kết nối, phối hợp của các DN với cộng đồng dân cư trong PTDL.

### **3.2.2.3. Các giải pháp hỗ trợ**

*Một là*, chính quyền tỉnh cần tổ chức xây dựng quy hoạch phát triển du lịch.

*Hai là*, chính quyền tỉnh cần tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong việc thực hiện chương trình PTDL.

*Ba là*, tỉnh cần chỉ đạo quyết liệt trong công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch.

*Bốn là*, tăng cường liên kết du lịch Nghệ An với các địa phương khác trong cả nước.

## **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

### **3.3.1. Kiến nghị đối với Quốc hội**

### **3.3.2. Kiến nghị đối với Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan**

## KẾT LUẬN

Tỉnh Nghệ An có tiềm năng du lịch rất lớn với nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng. Trong Chiến lược PTDL Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến 2035, tỉnh xác định mục tiêu đến năm 2030, du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn ở Nghệ An, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác.

Để đạt được những mục tiêu đó, tỉnh Nghệ An cần phải thực hiện đồng thời nhiều giải pháp trong đó giải pháp huy động VĐT có tính chất quyết định tới sự PTDL của địa phương. Luận án đã tập trung nghiên cứu những lý luận về huy động VĐT cho PTDL, đồng thời cũng phân tích, đánh giá thực trạng huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An thời gian qua. Trên cơ sở những hạn chế trong quá trình huy động VĐT, NCS mạnh dạn đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện huy động VĐT để phù hợp với mục tiêu PTDL giai đoạn tới. Luận án đã làm rõ 3 nội dung lớn, cụ thể:

*Thứ nhất*, luận án hệ thống hoá lý luận về PTDL và huy động VĐT cho PTDL. Trong phần nội dung này, tác giả làm rõ các vấn đề về PTDL và VĐT cho PTDL: khái niệm, đặc điểm của du lịch; khái niệm, nội dung và các tiêu chí đánh giá PTDL; khái niệm và vai trò của VĐT cho PTDL. Trên cơ sở đó tác giả đi sâu nghiên cứu về huy động VĐT cho PTDL: khái niệm và nội dung. Nội dung huy động VĐT cho PTDL được tiếp cận theo nguồn vốn huy động đó là nguồn vốn từ NSNN bao gồm NSTW, NSDP, vốn vay ODA, từ phát hành trái phiếu CQĐP và nguồn vốn ngoài NSNN từ các DN, cá nhân. Đồng thời, luận án cũng trình bày các tiêu chí đánh giá huy động VĐT cho PTDL và các nhân tố ảnh hưởng đến huy động VĐT cho PTDL ở địa bàn cấp tỉnh. Luận án còn phân tích kinh nghiệm của một số địa phương ở Việt Nam trong việc huy động VĐT cho PTDL và bài học rút ra với tỉnh Nghệ An.

*Thứ hai*, luận án phân tích những đặc điểm tự nhiên, KTXH có ảnh hưởng đến PTDL và thực trạng PTDL tỉnh Nghệ An những năm qua. Phân tích thực trạng huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An. Đồng thời đánh giá chung về thực trạng huy động VĐT cho PTDL tỉnh Nghệ An, những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình huy động VĐT.

*Thứ ba*, dựa trên bối cảnh, định hướng, mục tiêu PTDL và quan điểm huy động VĐT tỉnh Nghệ An, luận án đề xuất các giải pháp huy động VĐT theo nguồn vốn huy động, các giải pháp hỗ trợ và các kiến nghị đối với Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan nhằm tạo điều kiện cho du lịch Nghệ An phát triển.

Các nội dung được đề cập trong luận án với mong muốn du lịch Nghệ An đạt được các mục tiêu đề ra trong thời gian tới. Những vấn đề về huy động VĐT cho PTDL là những vấn đề đòi hỏi tính lý luận và thực tiễn. Việc đưa ra các giải pháp huy động VĐT cho PTDL trong quá trình nghiên cứu gặp nhiều khó khăn do hệ thống số liệu không nhất quán, ngành du lịch lại là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp cùng với việc nghiên cứu của NCS còn hạn chế. Mặc dù NCS đã rất cố gắng, nỗ lực để hoàn thành luận án nhưng chắc chắn còn nhiều điểm chưa hoàn thiện. NCS rất mong nhận được những góp ý, đóng góp từ các nhà khoa học, các chuyên gia cho đề tài luận án của NCS.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Nguyễn Thanh Huyền, “*Mobilizing investment capital for human resources for tourism development in Nghe An province, proceedings the fourth international conference on “sustainable economic development and business management in the context of globalisation (sedbm-4)*”, Nhà xuất bản Tài chính năm 2021, Trang 374-379.
2. Nguyễn Thanh Huyền, “*Mobilizing investment capital for application of science and technology for tourism development in Nghe An province*”, The third international conference on: “finance and accounting for the promotion of sustainable development in private sector”, (fasps-3), Nhà xuất bản Tài chính năm 2021, Trang 715-719.
3. Nguyễn Thanh Huyền (2022), “*Kinh nghiệm quốc tế về huy động VĐT PTDL và hàm ý đối với Nghệ An*”, Tạp chí Tài chính, kỳ 1, Tháng 12/2022, trang 106-108.
4. Nguyễn Thanh Huyền (2023), “*Mobilizing investment capital through public-private partnership for tourism development in Nghe An province*”, Journal of finance & accounting research, No. 03 (22)-2023.

